BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2518/QĐ-BTP	*Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 09/2026/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 383/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp *(Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này)*.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Nội dung công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng kể từ thời điểm sau:

a) Thủ tục hành chính có số thứ tự 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2026;

b) Các thủ tục hành chính có số thứ tự 2, 3, 4, 5, 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

3. Kể từ thời điểm các thủ tục hành chính có hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều này, nội dung công bố các thủ tục hành chính tại các Quyết định sau đây hết

hiệu lực thi hành:

a) Nội dung công bố thủ tục hành chính có số thứ tự 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 160/QĐ-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

b) Nội dung công bố thủ tục hành chính có số thứ tự 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 857/QĐ-BTP ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; các số thứ tự 2, 3, 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2009/QĐ-BTP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; số thứ tự 25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1859/QĐ-BTP ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Cục trưởng Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (để công khai);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Cổng TTĐT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, Cục BTTP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Mai Lương Khôi

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2518/QĐ-BTP ngày 19 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

PHẦN I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.013818	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Thông tư số 17/2026/TT-BTP ngày 16/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Công chứng	Sở Tư pháp
2	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên	- Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 413/2026/NĐ-CP ngày 16/11/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 17/2026/TT-BTP ngày 16/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Công chứng	Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3	1.013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên	- Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 413/2026/NĐ-CP ngày 16/11/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 17/2026/TT-BTP ngày 16/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Công chứng	Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp theo nguyện vọng cá nhân hoặc	- Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 46/2024/QH15;	Công chứng	Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân

		khi được chuyển làm công việc khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền)	- Nghị định số 413/2026/NĐ-CP ngày 16/11/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 17/2026/TT-BTP ngày 16/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.		dân cấp tỉnh
5	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	- Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Thông tư số 17/2026/TT-BTP ngày 16/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Công chứng	Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
6	1.013849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	- Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 413/2026/NĐ-CP ngày 16/11/2026 của Chính phủ.	Công chứng	Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng

Trình tự thực hiện:

- Người đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự lập 01 bộ hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người đăng ký tham dự kiểm tra về việc đủ điều kiện đề nghị Bộ Tư pháp cho tham dự kiểm tra; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện: *Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự.*

Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp người tập sự hoàn thành tập sự theo các Thông tư hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng được ban hành sau thời điểm Thông tư số 08/2023/TT-BTP có hiệu lực thi hành, hồ sơ bao gồm:

- Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP);

- Quyết định công nhận hoàn thành tập sự;

- Giấy tờ chứng minh đã nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng.

- *Bản sao Quyết định miễn nhiệm công chứng viên (đối với trường hợp đã được miễn nhiệm công chứng viên theo nguyện vọng cá nhân hoặc đã bị miễn nhiệm công chứng viên và Sở Tư pháp không khai thác được thông tin trong hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành tư pháp).*

b) Trường hợp người tập sự hoàn thành tập sự theo các Thông tư hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng được ban hành trước thời điểm Thông tư số 08/2023/TT-BTP có hiệu lực thi hành, hồ sơ bao gồm:

- Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (Mẫu TP-TSCC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP);

- Giấy tờ chứng minh đã nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng.

- Bản sao Quyết định miễn nhiệm công chứng viên (đối với trường hợp đã được miễn nhiệm công chứng viên theo nguyện vọng cá nhân hoặc đã bị miễn nhiệm công chứng viên và Sở Tư pháp không khai thác được thông tin trong hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành tư pháp).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: *Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người đăng ký tham dự kiểm tra về việc đủ điều kiện đề nghị Bộ Tư pháp cho tham dự kiểm tra; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Phí: 3.500.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 1.750.000 đồng/hồ sơ từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Những người sau đây được đăng ký tham dự kiểm tra:

a) Đã được công nhận hoàn thành tập sự theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 06/2025/TT-BTP;

b) Đã tham dự nhưng không đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trước, trừ trường hợp không đạt yêu cầu trong 03 kỳ kiểm tra trước mà chưa tập sự lại.

c) Người đã hoàn thành tập sự theo các Thông tư quy định về tập sự hành nghề công chứng có hiệu lực trước ngày 01/7/2025 và người được cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng nhưng giấy chứng nhận đã hết hiệu lực theo khoản 5 Điều 12 Luật Công chứng được đăng ký tham dự kiểm tra theo quy định của Thông tư số 06/2025/TT-BTP.

d) Người đã được miễn nhiệm công chứng viên theo nguyện vọng cá nhân hoặc người đã bị miễn nhiệm công chứng viên, có nguyện vọng đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên mà chưa có Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng được đăng ký tham dự kiểm tra theo quy định của Thông tư số 06/2025/TT-BTP.

2. Những người sau đây không được đăng ký tham dự kiểm tra:

- Đã được công nhận hoàn thành tập sự nhưng bị hủy bỏ kết quả đã được công nhận;

- Sao chép Báo cáo kết quả tập sự, Sổ nhật ký tập sự của người khác hoặc có hành vi gian dối, không trung thực khác để được đăng ký tham dự kiểm tra;

- Đã tham dự nhưng không đạt yêu cầu trong 03 kỳ kiểm tra kết quả tập sự mà chưa tập sự lại.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu TP-TSCC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTP.

Căn cứ pháp lý:

- Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng;

- Thông tư số 17/2026/TT-BTP ngày 16/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP và Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng.

- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng, phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC;

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

Mẫu TP-TSCC-10
Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

(Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng …....) (5)

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tôi tên là: .....; Giới tính (1):.....;
Ngày, tháng, năm sinh:……/…….....;.....;

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....;
Ngày cấp (2):...../...../.....; Nơi cấp (3):…… *(đối với thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước);*

Nơi ở hiện tại (4):……..……....;

Số điện thoại:……..; email:……;

Tôi đã hoàn thành thời gian và nghĩa vụ của người tập sự tại (6): ……..…….....;

Công chứng viên hướng dẫn tập sự (7):.....;

Thời gian tập sự: 12 tháng, từ ngày …./…./…. đến ngày …./…./…….;

Đã được công nhận hoàn thành tập sự theo quyết định số:……. ngày …./…./…. của Sở Tư pháp tỉnh/thành phố……;

Đã từng tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (8):…..……;

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của thí sinh tham dự kiểm tra.

……, ngày ... tháng ... năm ...
Người đề nghị
(ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính): Người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ các thông tin trong biểu mẫu.

2. Thông tin ô số (5): Ghi rõ kỳ kiểm tra muốn đăng ký tham dự, ví dụ: "lần thứ sáu"

3. Thông tin ô số (6): Ghi rõ tên, địa chỉ trụ sở của Phòng công chứng/Văn phòng công chứng nơi đã tập sự; trường hợp thay đổi nơi tập sự thì ghi đầy đủ thông tin về các tổ chức hành nghề công chứng đã tập sự.

4. Thông tin ô số (7): Ghi rõ họ tên; số và ngày, tháng, năm của thẻ công chứng viên hướng dẫn tập sự; trường hợp thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự thì ghi đầy đủ thông tin về các công chứng viên đã từng hướng dẫn.

5. Thông tin ô số (8): Ghi rõ kỳ kiểm tra đã tham dự, ví dụ: "lần thứ ba"; trường hợp đã tham dự nhiều hơn 01 kỳ kiểm tra thì ghi các kỳ kiểm tra đã tham dự. Đối với người lần đầu đăng ký tham dự kiểm tra thì ghi: "Chưa tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng nào".

2. Thủ tục bổ nhiệm công chứng viên

Trình tự thực hiện:

- Người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 10 của Luật Công chứng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia về Sở Tư pháp nơi hoàn thành tập sự hành nghề công chứng.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) bổ nhiệm công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên đối với những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

- Trường hợp thông tin trong hồ sơ chưa đầy đủ, thống nhất hoặc cần xác minh, Sở Tư pháp yêu cầu người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên giải trình, bổ sung thông tin hoặc Sở Tư pháp tiến hành xác minh thông tin. Thời hạn giải trình, bổ sung hoặc xác minh thông tin không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tư pháp có văn bản đề nghị giải trình, bổ sung hoặc xác minh thông tin và không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại khoản này.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

- Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin theo quy định pháp luật để giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên cung cấp, xuất trình những giấy tờ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin này, trừ trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác không đầy đủ, không chính xác.

Cách thức thực hiện: *Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia về Sở Tư pháp nơi hoàn thành tập sự hành nghề công chứng.*

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị bổ nhiệm công chứng viên (Mẫu TP-CC-02-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BTP ngày 16/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

- Giấy tờ chứng minh thời gian công tác pháp luật gồm một trong các loại giấy tờ được quy định tại khoản 4 Điều 10 của Luật Công chứng, điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 104/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 413/2026/NĐ-CP) và khoản 3 Điều 6 Thông tư số 05/2025/TT-BTP (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2026/TT-BTP); trường hợp người đề nghị bổ nhiệm thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 14 của Luật Công chứng thì phải có giấy tờ chứng minh đã miễn nhiệm, đã thu hồi chứng chỉ hành nghề hoặc không còn thuộc các trường hợp này.

Các giấy tờ nêu trên là bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao (không bắt buộc nộp bản sao có chứng thực) hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính.

Sở Tư pháp khai thác thông tin về thời gian tham gia bảo hiểm xã hội trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm để xác định thời gian đóng bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian công tác pháp luật từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu người đề nghị cung cấp giấy tờ chứng minh theo quy định của pháp luật.

- Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: *Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm công chứng viên.

Phí, lệ phí: Không.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật Công chứng: Là công dân Việt Nam không quá 70 tuổi; thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng; có bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật; có thời gian công tác pháp luật từ đủ 03 năm trở lên tại cơ quan, tổ chức sau khi có bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ

luật; tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng; đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.

2. Người thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 của Luật Công chứng thì không được bổ nhiệm công chứng viên, bao gồm:

a) Người không đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm công chứng viên theo quy định.

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án về tội phạm do vô ý mà chưa được xóa án tích; người đã bị kết án về tội phạm do cố ý, kể cả trường hợp đã được xóa án tích.

c) Người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

d) Người bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

đ) Người đang là cán bộ, công chức, viên chức, trừ viên chức của Phòng công chứng; đang là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; đang là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.

e) Người đang là thừa phát lại, luật sư, đấu giá viên, quản tài viên, tư vấn viên pháp luật, thẩm định viên về giá hoặc đang thực hiện công việc theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 9 của Luật Công chứng.

g) Cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm; công chức, viên chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu quân nhân hoặc buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc buộc thôi việc.

i) Thừa phát lại, luật sư, đấu giá viên, quản tài viên, tư vấn viên pháp luật, thẩm định viên về giá bị miễn nhiệm hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề do vi phạm pháp luật mà chưa hết thời hạn 03 năm kể từ ngày quyết định miễn nhiệm hoặc quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề có hiệu lực thi hành.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Mẫu TP-CC-02-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BTP.*

Căn cứ pháp lý:

- Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

- Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

- Nghị định số 413/2026/NĐ-CP ngày 16/11/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

- Thông tư số 17/2026/TT-BTP ngày 16/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP và Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng.

Ảnh
3cmx4cm

Mẫu TP-CC-02-sđ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BTP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM CÔNG CHỨNG VIÊN

Kính gửi: ……..(1)

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN:

Tôi tên là *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Giới tính (2): .....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....Quốc tịch (3):.....

Số Thẻ căn cước công dân/Số Thẻ căn cước/Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm cấp (4): ...../...../.....

Nơi cấp (5): .....

(đối với Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước)

Nơi thường trú (6): .....

Nơi ở hiện tại (7):.....

Điện thoại: ..... Email (nếu có): .....

Số và ngày, tháng, năm cấp, nơi cấp của bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật:……..

Số và ngày, tháng, năm cấp của chứng chỉ đào tạo nghề công chứng *(trường hợp có thời gian đào tạo nghề công chứng là 6 tháng thì bổ sung thông tin thuộc đối tượng nào theo quy định của Luật Công chứng)*:……

Thời gian tập sự hành nghề công chứng từ ……../……./……. đến ……./...../…… tại……(8)

Đã được Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ…. cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng số: ..... ngày ...../...../..... (9)

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC, LÀM VIỆC (*từ khi đủ 18 tuổi đến nay*):

Thời gian *(từ ..../.../... đến .../.../...)*	Chức danh, chức vụ, công việc được giao	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Giấy tờ chứng minh thời gian công tác pháp luật

III. ĐÃ BỊ KẾT ÁN

(*Ghi đầy đủ các tội danh, số và ngày ra bản án, kể cả trong trường hợp đã được xóa án tích; nếu không có thì ghi "Không có"*)

.....

IV. ĐÃ BỊ XỬ LÝ KỶ LUẬT, ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

(*Ghi đầy đủ các hình thức và thời gian bị xử lý kỷ luật, áp dụng biện pháp xử lý hành chính; nếu không có thì ghi "Không có"*)

…….

V. THUỘC CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC BỔ NHIỆM CÔNG CHỨNG VIÊN THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT CÔNG CHỨNG

(*Ghi cụ thể từng trường hợp; nếu không có thì ghi "Không có"*)

…….

VI. KHEN THƯỞNG

(*Ghi cụ thể các hình thức khen thưởng; nếu không có thì ghi "Không có"*)

…….

Tôi làm văn bản này đề nghị được bổ nhiệm công chứng viên. Tôi cam đoan không thuộc các trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên theo quy định của Luật Công chứng. Tôi cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề công chứng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của công chứng viên theo quy định của pháp luật.

Tôi xin chịu toàn bộ trách nhiệm về tính chính xác, xác thực của các thông tin nêu trên và các giấy tờ khác được cung cấp trong hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên; nếu sai tôi xin chịu toàn bộ trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Thông tin số (1): Ghi người có thẩm quyền bổ nhiệm công chứng viên.

2. Các thông tin số (2), (3), (4), (5), (6), (7):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính): Người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

3. Thông tin số (8): Ghi tên tổ chức hành nghề công chứng nơi tập sự.

4. Thông tin số (9): Trường hợp không phải kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng thì ghi rõ lý do.

5. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2. Bổ nhiệm lại công chứng viên

Trình tự thực hiện:

- Người có nguyện vọng bổ nhiệm lại công chứng viên theo quy định tại Điều 17 của Luật Công chứng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia về Sở Tư pháp nơi đã đề nghị miễn nhiệm công chứng viên.

- Thủ tục bổ nhiệm lại công chứng viên được thực hiện theo quy định về thủ tục bổ nhiệm công chứng viên. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm lại công chứng viên đối với trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Trường hợp thông tin trong hồ sơ chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần xác minh, Sở Tư pháp yêu cầu người đề nghị giải trình, bổ sung thông tin hoặc tiến hành xác minh; thời hạn giải trình, bổ sung hoặc xác minh không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tư pháp có văn bản đề nghị và không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện: *Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Sở Tư pháp nơi đã đề nghị miễn nhiệm công chứng viên.*

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên (Mẫu TP-CC-04-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BTP).

- Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện bổ nhiệm lại quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Luật Công chứng. Các giấy tờ này là bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao (không bắt buộc nộp bản sao có chứng thực) hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: *Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên.

Phí: 500.000 đồng/hồ sơ.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Người được miễn nhiệm công chứng viên do chuyển làm công việc khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Luật Công chứng; trường hợp được miễn nhiệm công chứng viên theo nguyện vọng cá nhân thì được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật Công chứng.

2. Người đã bị miễn nhiệm công chứng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Công chứng được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật này, đã hết thời hạn 02 năm kể từ ngày quyết định miễn nhiệm công chứng viên có hiệu lực thi hành và lý do miễn nhiệm không còn, trừ các trường hợp không được bổ nhiệm lại.

3. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được bổ nhiệm lại công chứng viên:

a) Bị miễn nhiệm công chứng viên do bị kết án về tội phạm do vô ý mà chưa được xóa án tích; do bị kết án về tội phạm do cố ý, kể cả trường hợp đã được xóa án tích;

b) Bị miễn nhiệm công chứng viên do hành nghề công chứng khi chưa đủ điều kiện hành nghề công chứng hoặc trong thời gian bị tạm đình chỉ hành nghề công chứng;

c) Thuộc trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên theo quy định tại Điều 14 của Luật Công chứng tại thời điểm đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Mẫu TP-CC-04-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BTP.*

Căn cứ pháp lý:

- Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

- Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

- Nghị định số 413/2026/NĐ-CP ngày 16/11/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

- Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

- Thông tư số 17/2026/TT-BTP ngày 16/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP và Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng.

Mẫu TP-CC-04-sđ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BTP)

Ảnh
3cm x4 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM LẠI CÔNG CHỨNG VIÊN

Kính gửi: …….. (1)

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN:

Tôi tên là *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Giới tính (2): .....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../ .....; Quốc tịch (3): .....

Số Thẻ căn cước công dân/Số Thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....;

Ngày, tháng, năm cấp (4):...../...../.....; Nơi cấp (5): .....
(đối với thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước)

Nơi thường trú (6): .....

Nơi ở hiện tại (7): .....

Điện thoại: ..... Email *(nếu có)*: .....

Đã được bổ nhiệm công chứng viên theo Quyết định số: ..... ngày ...../...../..... của .....;

Đã được/bị miễn nhiệm công chứng viên theo Quyết định số:..... ngày...../…../..... của..…….. ; lý do miễn nhiệm: .....

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC, LÀM VIỆC (*Tính từ thời điểm được bổ nhiệm công chứng viên cho đến nay)*

Thời gian *(từ ..../.../... đến .../.../...)*	Chức danh, chức vụ, công việc được giao	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Ghi chú

III. ĐÃ BỊ KẾT ÁN *(tính từ thời điểm được bổ nhiệm công chứng viên cho đến nay)*

(*Ghi đầy đủ các tội danh, số và ngày ra bản án, kể cả trong trường hợp đã được xóa án tích; nếu không có thì ghi "Không có"*)

.....……

IV. ĐÃ BỊ XỬ LÝ KỶ LUẬT, XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH *(tính từ thời điểm được bổ nhiệm công chứng viên cho đến nay)*

(*Ghi đầy đủ các hình thức và thời gian bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề công chứng; nếu không có thì ghi "Không có"*)

.....

V. THUỘC CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI CÔNG CHỨNG VIÊN THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT CÔNG CHỨNG

(*Ghi cụ thể từng trường hợp; nếu không có thì ghi "Không có"*)

…….

VI. KHEN THƯỞNG

(*Ghi cụ thể các hình thức khen thưởng; nếu không có thì ghi "Không có"*)

.....…….

Tại thời điểm đề nghị bổ nhiệm lại, lý do miễn nhiệm công chứng viên nêu tại phần I không còn (ghi rõ lý do và giấy tờ chứng minh).....

Tôi làm văn bản này đề nghị được bổ nhiệm lại công chứng viên. Tôi cam đoan không thuộc các trường hợp không được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chứng viên theo quy định của Luật Công chứng. Tôi cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề công chứng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của công chứng viên theo quy định của pháp luật.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, xác thực của các thông tin nêu trên và các giấy tờ khác được cung cấp trong hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên; nếu sai tôi xin chịu toàn bộ trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....
Người đề nghị
(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Thông tin số (1): Ghi người có thẩm quyền bổ nhiệm lại công chứng viên.

2. Các thông tin số (2), (3), (4), (5), (6), (7):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính): Người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

3. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

3. Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp theo nguyện vọng cá nhân hoặc khi được chuyển làm công việc khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền)

Trình tự thực hiện:

- Công chứng viên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Công chứng nộp 01 văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên trong trường hợp miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân hoặc 01 văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên kèm theo giấy tờ chứng minh chuyển làm công việc khác trong trường hợp miễn nhiệm do chuyển làm công việc khác, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia về Sở Tư pháp nơi đang hành nghề; trường hợp công chứng viên không hành nghề tại thời điểm đề nghị miễn nhiệm thì nộp hồ sơ cho Sở Tư pháp nơi hành nghề cuối cùng trước khi đề nghị miễn nhiệm; trường hợp công chứng viên được bổ nhiệm nhưng chưa hành nghề thì nộp hồ sơ cho Sở Tư pháp nơi đề nghị bổ nhiệm công chứng viên.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên, trong đó nêu rõ quá trình hành nghề của công chứng viên và ý kiến đề xuất của Sở Tư pháp, kèm theo hồ sơ của người đề nghị miễn nhiệm gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện: *Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Sở Tư pháp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 413/2026/NĐ-CP.*

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên (Mẫu TP-CC-03-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BTP);

- Giấy tờ chứng minh chuyển làm công việc khác kèm theo (đối với trường hợp đề nghị miễn nhiệm do chuyển làm công việc khác)

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: *Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định miễn nhiệm công chứng viên.

Phí, lệ phí: Không.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Công chứng viên có nguyện vọng miễn nhiệm công chứng viên hoặc khi được chuyển làm công việc khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Mẫu TP-CC-03-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BTP.*

Căn cứ pháp lý:

- Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

- Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

- Nghị định số 413/2026/NĐ-CP ngày 16/11/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

- Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

- Thông tư số 17/2026/TT-BTP ngày 16/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP và Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng.

Mẫu TP-CC-03-sđ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BTP)

Ảnh

3cmx4 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ MIỄN NHIỆM CÔNG CHỨNG VIÊN

Kính gửi: …….(1)

Tôi tên là *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....; Giới tính (2): .....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../ ...../ .....; Quốc tịch (3): .....

Số Thẻ căn cước công dân/Số Thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....;

Ngày, tháng, năm cấp (4): ...../...../.....; Nơi cấp (5): .....
(đối với Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước)

Nơi thường trú (6): .....

Nơi ở hiện tại (7): .....

Điện thoại: ..... Email (nếu có): .....

Đã được bổ nhiệm/bổ nhiệm lại công chứng viên theo Quyết định số: ….....ngày ...../...../..... của .....

Quá trình hành nghề công chứng từ khi được bổ nhiệm/bổ nhiệm lại công chứng viên đến nay (8): .....

Tôi làm văn bản này đề nghị được miễn nhiệm công chứng viên vì lý do .....

Tôi cam đoan những thông tin cung cấp nêu trên là đúng sự thật; nếu sai tôi xin chịu toàn bộ trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Tôi cam đoan đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công chứng viên và chịu trách nhiệm về những việc công chứng đã thực hiện./.

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị
(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Xác nhận của
Văn phòng công chứng (9)
(Chữ ký/chữ ký số, họ tên của người xác nhận; dấu/chữ ký số của tổ chức)

Ghi chú:

1. Thông tin số (1): Ghi người có thẩm quyền miễn nhiệm công chứng viên.

2. Các thông tin số (2), (3), (4), (5), (6), (7):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính): Người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

3. Thông tin số (8): Cung cấp đầy đủ tên, địa chỉ trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng, thời điểm bắt đầu và kết thúc hành nghề tại từng tổ chức hành nghề công chứng mà công chứng viên đã hành nghề tính đến thời điểm đề nghị miễn nhiệm; trong trường hợp công chứng viên chưa hành nghề thì ghi rõ: "chưa hành nghề".

4. Thông tin số (9): Trường hợp nơi hành nghề của công chứng viên tại thời điểm đề nghị miễn nhiệm là Văn phòng công chứng thì Trưởng Văn phòng công chứng xác nhận rõ việc công chứng viên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình đối với Văn phòng công chứng đó; trường hợp nơi hành nghề của công chứng viên tại thời điểm đề nghị miễn nhiệm là Phòng công chứng thì không phải thực hiện việc xác nhận này.

5. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

4. Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài

Trình tự thực hiện:

- Người thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 05/2025/TT-BTP lập 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận tương đương đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia về Sở Tư pháp nơi người đó cư trú.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận tương đương đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài, kèm theo hồ sơ của người đề nghị; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thì Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người đề nghị.

- Trong trường hợp thông tin trong hồ sơ chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần xác minh, Sở Tư pháp yêu cầu người đề nghị giải trình, bổ sung thông tin hoặc tiến hành xác minh. Thời hạn giải trình, bổ sung thông tin hoặc xác minh không quá 10 ngày làm việc; trường hợp việc xác minh phải thực hiện ở nước ngoài thì thời hạn xác minh có thể kéo dài do nguyên nhân khách quan từ cơ quan, tổ chức được đề nghị xác minh nhưng Sở Tư pháp phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị biết. Thời gian người đề nghị giải trình, bổ sung thông tin hoặc thời gian Sở Tư pháp thực hiện việc xác minh không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ của người đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận tương đương đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài. Trường hợp không công nhận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho Sở Tư pháp và người đề nghị.

Cách thức thực hiện: *Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia về Sở Tư pháp nơi người đề nghị cư trú.*

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công nhận tương đương đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài (Mẫu TP-CC-01-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BTP).

- Văn bằng và giấy tờ, tài liệu thể hiện kết quả đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài. Giấy tờ này là bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao (không bắt buộc nộp bản sao có chứng thực) hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản

chính. Trường hợp giấy tờ được lập bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: *Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận tương đương đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài.

Phí, lệ phí: Không.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài được công nhận tương đương trong các trường hợp sau đây:

- Có văn bản đào tạo nghề công chứng tương đương được cấp bởi cơ sở đào tạo ở nước ngoài theo quy định tại điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên;

- Có văn bằng đào tạo nghề công chứng được cấp bởi cơ sở đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Mẫu TP-CC-01-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BTP.*

Căn cứ pháp lý:

- Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

- Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

- Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

- Thông tư số 17/2026/TT-BTP ngày 16/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP và Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng.

Ảnh 3cmx4cm

Mẫu TP-CC-01-sđ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BTP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TƯƠNG ĐƯƠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG CHỨNG

Kính gửi: ..... (1)

Tôi tên là *(ghi bằng chữ in hoa)*:……Giới tính (2):…...

Ngày, tháng, năm sinh:……/……../……Quốc tịch (3):…….

Số Thẻ căn cước công dân/Số Thẻ căn cước/Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm cấp (4):……/……/……; Nơi cấp (5): ……

(đối với Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước)

Nơi thường trú (6): ……

Nơi ở hiện tại (7): ……

Điện thoại: …… Email (nếu có): ……

Đề nghị xem xét công nhận tương đương đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài đối với văn bằng: ……; Số hiệu: ….....; Ngày cấp:……/……/….; Nơi cấp: ……

Tôi cam đoan những thông tin cung cấp nêu trên là đúng sự thật; nếu sai tôi xin chịu toàn bộ trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Thông tin số (1): Ghi người có thẩm quyền công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài.

2. Các thông tin số (2), (3), (4), (5), (6), (7):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính): Người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

6. Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh

Trình tự thực hiện:

- Công chứng viên là Trưởng Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thực hiện chuyển đổi lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển đổi, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia về Sở Tư pháp nơi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân đăng ký hoạt động.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp và hồ sơ đề nghị chuyển đổi của Văn phòng công chứng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện: *Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia về Sở Tư pháp nơi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân đăng ký hoạt động.*

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chuyển đổi Văn phòng công chứng, trong đó nêu rõ việc đáp ứng các điều kiện chuyển đổi và cam kết, thỏa thuận của các bên theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 104/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 413/2026/NĐ-CP.

- Quyết định bổ nhiệm của các công chứng viên hợp danh dự kiến của Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh; giấy tờ chứng minh đã hành nghề công chứng từ đủ 02 năm trở lên đối với công chứng viên dự kiến làm Trưởng Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh. Giấy tờ này là bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao (không bắt buộc nộp bản sao có chứng thực) hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính.

- Dự thảo Điều lệ của Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: *Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép chuyển đổi Văn phòng công chứng.

Phí, lệ phí: Không.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc chuyển đổi Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân (sau đây gọi là Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân) thành Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh (sau đây gọi là Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh) phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân không thuộc trường hợp tạm ngừng hoạt động hoặc bị đình chỉ hoạt động có thời hạn do vi phạm hành chính hoặc bị thu hồi quyết định cho phép thành lập, thu hồi giấy đăng ký hoạt động tại thời điểm đề nghị chuyển đổi;

2. Trưởng Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác chưa thanh toán của Văn phòng công chứng, trừ trường hợp các công chứng viên hợp danh dự kiến của Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh và chủ nợ của Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân có thỏa thuận khác;

3. Các công chứng viên hợp danh dự kiến của Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh có thỏa thuận bằng văn bản về việc tiếp tục thực hiện các yêu cầu công chứng đang được giải quyết; các giao dịch, công việc khác liên quan đến hoạt động công chứng đang thực hiện hoặc chưa chấm dứt, hủy bỏ; tiếp nhận và sử dụng người lao động hiện có của Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân;

4. Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh có địa chỉ trụ sở phù hợp với Đề án quản lý, phát triển các tổ chức hành nghề công chứng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

- Luật số 04/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

- Nghị định số 413/2026/NĐ-CP ngày 16/11/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;